TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12 - 2021
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và ông Hoàng Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa*:* bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài ản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Hồng T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Lê Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang tạm trú tại: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/06/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là anh Vũ Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28/07/1992, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, nên thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau và không dành sự tôn trọng cho nhau. Tuy vẫn chung sống, nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh và chị H có 03 con chung, các cháu tên là Vũ Thị M, sinh ngày 10/05/1993; Vũ Thị H, sinh ngày 10/10/1994 và Vũ Xuân D, sinh ngày 16/02/1998. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề ngày 09/11/2021, chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T kết hôn ngày 28/07/1992 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tìm hiểu và đến với nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2009 thì mới phát sinh mâu thuẫn, không như anh T trình bày là mãi đến năm 2012 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, nên thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, không ai chịu nhường nhịn ai. Mặc dù cả hai vợ chồng đều nghiêm túc thẳng thắn nói ra mọi vấn đề và gia đình nội ngoại hai bên cũng đã có ý kiến hòa giải cho hai vợ chồng, nhưng vẫn không được. Từ đó trở về sau tình cảm vợ chồng cũng nhạt dần, mặc dù vẫn chung sống với nhau, nhưng chẳng còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Vì vậy, anh T làm đơn yêu cầu được ly hôn, chị H cũng đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm.

thì chị đồng ý vì chẳng còn tình cảm gì với nhau nữa.

Về con chung: chị và anh T có ba con chung, các cháu tên là Vũ Thị M, sinh ngày 10/05/1993; Vũ Thị H, sinh ngày 10/10/1994 và Vũ Xuân D, sinh ngày 16/02/1998. Các cháu đã trưởng thành, có việc làm ổn định, nên chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Vũ Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H, có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình anh T làm hồ sơ khởi kiện, chị H đã bỏ vào miền nam và đăng ký tạm trú tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi biết được thông tin Tòa án đã

niêm yết Thông báo về việc thụ lý và Giấy triệu tập, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại nơi tạm trú diễn biến phức tạp, đến ngày 09/11/2021, chị H mới gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Hà Trung giải quyết vụ án. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

Anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H đều đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị H cũng thừa nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kéo dài từ lâu đến nay, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, nên thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị H luôn tồn tại mâu thuẫn, xung đột làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp.

[3]. Về con chung: anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H đều thừa nhận vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Vũ Thị M, sinh ngày 10/05/1993; Vũ Thị H, sinh ngày 10/10/1994 và Vũ Xuân D, sinh ngày 16/02/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, anh T và chị H đều không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: anh Vũ Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H.

2. Về án phí: anh Vũ Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009377 ngày 05/07/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: anh Vũ Hồng T và chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Văn Nam